TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠNG GIANG** **TỈNH BẮC GIANG** Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST Ngày 30 tháng 5 năm 2018 V/v: Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn”	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG – TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Đức Sơn; Ông Nguyễn Quang Vinh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Văn Sang – Thư ký TAND huyện Lạng Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: ông Lê Văn Cường – Kiểm sát viên sơ cấp

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 230/2017/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2017 về việc “Chia tài sản sau khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/QĐST- HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Văn Kh, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn LS, xã DĐ, huyện LG, tỉnh BG(có mặt)

Bị đơn: Chị Vương Thị Thu H, sinh năm 1978 ; Địa chỉ: Thôn ĐT, xã ĐM, huyện LG, tỉnh BG (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

Địa chỉ: Số 02, Láng Hạ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Do ông Trần Văn C - Phó giám đốc Agribank huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang đại diện theo ủy quyền (có đơn xin vắng mặt)

- Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam

Địa chỉ: Số 169, phố Linh Đường, phương Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

Do ông Phạm Văn H - Phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lạng Giang đại diện theo ủy quyền (có đơn xin vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Vương Bá Th, sinh năm 1954; Bà Ninh Thị Kim L, sinh năm 1953; Đều cư trú: Thôn ĐT, xã ĐM, huyện LG, tỉnh BGg (vắng mặt)

- Bà Ninh Thị Th, sinh năm 1959;Địa chỉ: Thôn TTr, xã ĐM, huyện LG, tỉnh BG (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Xuân Gi, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn TTr, xã Đ M, huyện LG, tỉnh BG (vắng mặt)

- Bà Ninh Thị O, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số M, ngõ 131, VThV, phường KhTr, quận ThX, thành phố HN (vắng mặt)

- Anh Vũ Nải N, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn ĐT, xã ĐM, huyện LG, tỉnh BG (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Vũ Văn Kh trình bày: anh và chị Vương Thị Thu H đăng ký kết hôn ngày 05/8/2013 tại UBND xã DĐ, huyện LG. Năm 2016 vợ chồng mâu thuẫn, tháng 9 năm 2016, chị H viết đơn ly hôn, sau đó vợ chồng đã thuận tình ly hôn. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh có đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng, tuy nhiên do chị H và anh thống nhất tự giải quyết nên anh đã rút đơn yêu cầu. Sau khi ly hôn, chị H không có thiện chí giải quyết nên anh làm đơn đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng đã xây dựng, tạo lập được khi chung sống gồm có: 01 nhà hai tầng diện tích khoảng 80m^2/1 sàn; 01 khu chăn nuôi; 01 nhà bếp; 01 sân gạch, 01 cổng xây gạch đều xây dựng trên diện tích đất 1360m^2 ở thôn RC, xã ĐM thuộc quyền sử dụng của chị Vương Thị Thu H. Về tài sản đồ dùng sinh hoạt có 01 bộ bàn ghế gỗ hương; 01 bàn thờ gỗ mít; 01 kệ để ti vi gỗ hương; 04 giường gỗ; 01 ti vi sam sung 50 inch; 01 tủ lạnh Sanyo; 01 máy giặt Sanyo; 03 tủ nhôm kính. Nay anh yêu cầu tính giá trị tài sản và chia đôi, anh xin nhận tiền.

Về công nợ chung, anh xác nhận số tiền 200.000.000 đồng vay Ngân hàng nông nghiệp Chi nhánh huyện Lạng Giang là nợ chung khi làm nhà. Đối với khoản nợ Ngân hàng chính sách xã hội và các khoản nợ cá nhân khác anh không biết nên không đồng ý.

Bị đơn chị Vương Thị Thu H tại bản tự khai ngày 10/7/2017 và các lời khai tiếp theo trình bày xác nhận chị và anh Vũ Văn Kh trong quá trình chung sống đã tạo lập được khối tài sản chung gồm có: 01 ngôi nhà hai tầng có diện tích 80m^2/01 sàn trị giá khoảng 600.000.000 đồng; 01 sân gạch có diện tích 170m^2, 01 khu chăn nuôi có diện tích 40m^2; 01 nhà bếp có diện tích 24m2 xây trên thửa đất của chị, 01 bộ bàn ghế gỗ hương đỏ mua 24.000.000 đồng; 01 bàn thờ gỗ mít trị giá 7.000.000 đồng; 01 kệ ti vi gỗ hương trị giá 7.000.000 đồng; 04 giường gỗ trị giá 10.000.000 đồng; 01 ti vi Samsung trị giá 13.000.000 đồng; 01 tủ lạnh Sanyo trị giá 3.000.000 đồng; 01 máy giặt sanyo trị giá 6.000.000 đồng; 03 tủ nhôm kính trị giá 6.000.000 đồng. Toàn bộ các tài sản trên hiện chị đang quản lý, sử dụng, anh Kh yêu cầu chia đôi tài sản, tính giá trị bằng tiền và chị có trách nhiệm trích chia bằng tiền trả anh Kh chị nhất trí.

Các khoản nợ chung của vợ chồng có: Nợ Ngân hàng ngông nghiệp - chi nhánh huyện Lạng Giang 200.000.000 đồng vay làm nhà; nợ Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện Lạng Giang 67.000.000 đồng để làm nước sạch, xây công trình chăn nuôi và chăn nuôi lợn. Ngoài ra, nợ vợ chồng ông Vương Bá Th, bà Ninh Thị L 150.000.000 đồng; Nợ anh Nguyễn Xuân Gi 30.000.000 đồng và 05 chỉ vàng; Nợ bà Ninh Thị Th 03 chỉ vàng; nợ bà Ninh Thị O 50.000.000 đồng và 02 chỉ vàng. Toàn bộ số nợ trên là nợ chung của chị và anh Kh, chị yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tại đơn khởi kiện ngày 18/9/2017, bản tự khai do người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 07/6/2017, chị Vương Thị Thu H đã ký hợp đồng vay tín dụng số 2507-LAV-201701735 với Ngân hàng nông nghiệp - Chi nhánh huyện Lạng Giang số tiền vay 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 11%/01 năm, thời hạn thanh toán tiền vay là: Ngày 07/6/2018 trả 30.000.000 đồng; ngày 12/6/2018 trả 45.000.000 đồng; Ngày 7/6/2019 trả 30 triệu đồng; Ngày 12/6/2019 trả 45.000.000 đồng; Ngày 07/6/2020 trả 30 triệu đồng; ngày 12/6/2020 trả 20 triệu đồng.Về tiền lãi trả cùng kỳ với trả nợ gốc. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng thửa đất diện tích 1360m^2 tại thôn RC, xã ĐM, LGg theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 162256 do UBND huyện Lạng Giang cấp ngày 04/2/2016. Dư nợ của hợp đồng tín dụng đến ngày 18/9/2017 là 206.071.000 đồng. Do anh Kh, chị H ly hôn, Ngân hàng nông nghiệp yêu cầu chị H có trách nhiệm thanh toán khoản tiền nợ trên bao gồm gốc và lãi.

Ngân hàng chính sách hội Việt Nam tại đơn khởi kiện ngày 09/10/2017, bản tự khai do người đại diện trình bày: Căn cứ hợp đồng tín dụng số 6600000705293756 ngày 18/8/2015 và hợp đồng tín dụng số 6600000706571237 ngày 25/2/2016 thì giữa Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện lạng Giang và chị Vương Thị Thu H là chủ hộ đã ký kết hợp đồng vay vốn, khoản vay của hộ chị Vương Thị Thu H là 62.000.000 đồng để thực hiện việc chăn nuôi, xây dựng công trình chăn nuôi, công trình nước sạch. Đến nay chị H vẫn nợ toàn bộ tiền gốc và tiền lãi phát sinh từ ngày vay. Nay anh Kh, chị H yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu Tòa án xem xét giao cho chị Vương Thị Thu H có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc 62.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến khi thanh toán xong và thực hiện việc nộp lãi theo quy định.

Ông Vương Bá Th tại biên bản ghi lời khai ngày 02/10/2017 trình bày: Khoảng năm 2015 vợ chồng ông có cho vợ chồng anh Vũ Văn Kh và chị Vương Thị Thu H vay 100.00.000 đồng, đến năm 2016 lại tiếp tục cho vay 50.000.000 đồng để anh chị làm nhà. Khi cho vay, hai bên không làm giấy tờ vay tiền, thỏa thuận trả lãi theo mức lãi suất Ngân hàng nông nghiệp cho vay, có thỏa thuận thời hạn thanh toán nhưng ông không nhớ. Nay anh Kh, chị H chia tài sản chung thì đề nghị buộc anh Kh, chị H phải trả cho vợ chồng ông số tiền 150.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Ông đã được Tòa án giải thích rõ về quyền và nghĩa vụ, giải thích về việc làm đơn khởi kiện và cam kết đến ngày 12/10/2017 ông sẽ nộp đơn khởi kiện.

Bà Ninh Thị Kim L trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 05/10/2018: Năm 2015 vợ chồng bà có cho anh Kh, chị H vay số tiền 150.000.000 đồng và 5 chỉ vàng 9999, cho vay làm 2 đợt, cụ thể từng đợt bà không nhớ rõ. Khi vay không viết giấy tờ biên nhận, không thỏa thuận về lãi suất, thời hạn thanh toán. Nay anh Kh, chị H chia tài sản thì bà yêu cầu anh chị phải trả 150.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 9999, bà không yêu cầu trả lãi. Bà đã được Tòa án giải thích rõ quyền, nghĩa vụ và hướng dẫn làm thủ tục khởi kiện, bà cam kết trong thời hạn 10 ngày sẽ gửi đơn đến Tòa.

Bà Ninh Thị Th trình bày tai biên bản ghi lời khai ngày 03/10/2017: Năm 2015 bà có cho chị Vương Thị Thu H vay 02 chỉ vàng 9999 trị giá 6.600.000 đồng để làm nhà. Khi cho vay không lập giấy tờ vay, không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận

thời hạn thanh toán. Nay anh Kh, chị H chia tài sản, bà đề nghị anh Kh chị H phải trả bà số vàng đã vay và bà không yêu cầu tính lãi. Bà đã được Tòa án giải thích quyền, nghĩa vụ và hướng dẫn làm thủ tục khởi kiện, bà cam kết trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày 03/10/2017 sẽ nộp đơn gửi Tòa.

Anh Nguyễn Xuân Gi trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 22/12/2017: Năm 2014 anh có cho chị H, anh Kh vay 03 chỉ vàng 9999 và 15.000.000 đồng để làm nhà. Khi vay không lập giấy tờ vay, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn thanh toán. Nay anh Kh, chị H yêu cầu chia tài sản thì anh chưa yêu cầu anh Kh, chị H phải trả anh số tiền, vàng vay trên. Trong trường hợp sau này giữa các bên có tranh chấp thì anh sẽ khởi kiện ở vụ án khác. Anh xin từ chối hòa giải, do công việc bận anh xin vắng mặt tại các phiên xét xử.

Bà Ninh Thị O trình bày tại bản tự khai ngày 06/11/2017: Năm 2015 bà có cho vợ chồng anh Kh, chị H vay 100.000.000 đồng để làm nhà. Năm 2016 cho vay tiếp 50.000.000 đồng để chữa bệnh cho cháu N con chị H. Khi cho vay không lập giấy tờ vay, không thỏa thuận về lãi, không hẹn thời gian thanh toán. Nay anh Kh, chị H yêu cầu chia tài sản chung, khoản tiền của bà cho vay thì sẽ tự giải quyết, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này xảy ra tranh chấp bà sẽ khởi kiện ở vụ án khác. Bà xin vắng mặt khi hòa giải, xét xử.

Anh Vũ Hải N trình bày: anh là con trai của chị Vương Thị Thu H và ông Vũ Hải Đ, bố anh chết năm 2009. Năm 2013, mẹ anh kết hôn với anh Kh. Trước khi kết hôn gia đình anh đã có thửa đất ở 1360m^2. Tài sản trên đất có xây nhà ở cấp bốn, các công trình phụ. Sau khi anh Kh, chị H kết hôn có xây dựng, tạo lập được ngôi nhà hai tầng; 01 nhà bếp; 01 sân gạch; 01 cổng. Khu công trình phụ chăn nuôi do mẹ anh xây sau khi anh Kh, chị H ly thân. Các đồ dùng sinh hoạt trong nhà anh thấy mẹ anh mua khi anh mẹ anh và anh Kh đã kết hôn.Về công sức đóng góp, thì anh có đưa cho mẹ anh 40.000.000 đồng khi mẹ làm nhà, anh đề nghị tính công sức cho mẹ anh khi phân chia tài sản.

Tại phiên tòa

Anh Vũ Văn Kh yêu cầu Tòa án xem xét phân chia các tài sản gồm: 01 ngôi nhà hai tầng; 01 nhà bếp; 01 sân gạch; 01 tủ lạnh sanyo; 01 ti vi sam sung; 01 máy giặt sanyo; 01 kệ để tivi gỗ hương; 01 bộ bàn ghế gỗ hương theo định giá tài sản ngày 30/01/2018. Đối với 01 bàn thờ gỗ mít; 04 giường; 03 tủ nhôm kính; 01 khu chăn nuôi; 01 cổng gạch là tài sản chung, nhưng từ khi định giá tài sản anh đã không yêu cầu định giá, không yêu cầu phân chia, nay anh vẫn giữ nguyên ý kiến không yêu cầu phân chia những tài sản này nữa. Về diện tích đất ở thôn RC mà vợ chồng anh xây công trình trên đó là tài sản riêng của chị H. Chị H có mua trước một ít gạch trước khi kết hôn, số gạch đó đủ xây tầng một, còn anh đã trực tiếp giao cho chị H 120.000.000 đồng tiền bán đất là tài sản riêng của anh, đã đưa toàn bộ tiền lương của anh cho chị H quản lý chi tiêu, mua sắm tài sản trong quá trình chung sống. Đối với khoản nợ Ngân hàng Nông nghiệp chi nhánh huyện Lạng Giang 200.000.000 đồng vay từ năm 2015 để làm nhà, sau đó đến năm 2017 chị H có làm thủ tục ký kết lại hợp đồng, khi đó anh không ký hợp đồng song anh vẫn thừa nhận đó là khoản nợ chung của anh và chị H nên nhất trí cùng chịu trách nhiệm. Đối với khoản nợ Ngân

hàng chính sách xã hội, anh không được ký hợp đồng vay song thừa nhận năm 2015 anh và chị H có làm khu công trình phụ chăn nuôi lợn, sau khi anh và chị H ly thân chị H phá đi và xây lại khu công trình chăn nuôi hiện nay, anh không nhất trí khoản tiền vay này là nợ chung. Các khoản nợ của các cá nhân khác mà chị H nêu anh không vay nên không nhất trí là nợ chung. Anh Kh đề nghị tài sản chung, khoản nợ chung của vợ chồng chia đôi, anh đề nghị giao cho chị H tài sản bằng hiện vật và chị H có trách nhiệm trích chia trả anh bằng tiền. Về chi phí định giá anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Ngân hàng nộng nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam; Đại diện Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Vương Thị Thu H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vương Bá Th, bà Ninh Thị Kim L, bà Ninh Thị Th, bà Ninh Thị O, anh Nguyễn Xuân Gi, anh Vũ Hải N vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tại phiên toà đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, của thư ký đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo thực hiện nghiêm túc, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác về cơ bản đã chấp hành đúng quy định tại điều 70, 72, 73 của cộ luật tố tụng dân sự, đã trình bày lợi khai, ý kiến, quan diểm, tuy nhiên vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại buổi định giá tai sản, phiên tòa lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do chính đáng.

Về nội dung vụ án, kiểm sát viên đã phân tích đánh giá tài liệu, chứng cứ, lời khai của các đương sự đề nghị HĐXX áp dụng điều 59, 60 luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 92, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí. Xác định tài sản chung của anh chị đã được định giá ngày 30/01/2018 là 874.624.000 đồng, xử giao cho chị H toàn bộ tài sản và có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền gốc và tiền lãi đến ngày xét xử 216.561.000 đồng; trả Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày xét xử là 69.641.000 đồng. Phần tài sản còn lại đề nghị tính công sức phân chia cho chị H hưởng phần giá trị nhiều hơn, chị H có trách nhiệm phân chia cho anh Kh giá trị tài sản bằng tiền. Về chi phí định giá, thẩm định hết 3.000.000 đồng, anh Kh, chị H mỗi người chịu bằng ½ chi phí định giá, thẩm định. Buộc chị H hoàn trả anh Khtiền chi phí định giá, thẩm định là 1.500.000 đồng. Ngoài ra kiểm sát viên đề nghị HĐXX xem xét về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Đơn khởi kiện của anh Vũ Văn Kh cùng các tài liệu nộp theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức, nội dung đơn khởi

kiện. Đây là tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang theo điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự pháp luật đã quy định. Đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt nam; Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam đã chấp hành nghiêm túc, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với bị đơn chị H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vợ chồng ông Th, bà L; bà Th, anh Gi, bà O, anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ song vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên do đó HĐXX căn cứ điều 227, điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo quy định.

[3] Về tranh chấp:

Anh Vũ Văn Kh yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng và xác định anh và chị Vương Thị Thu H trong thời kỳ hôn nhân đã tạo lập được các tài sản chung gồm: 01 nhà hai tầng diện tích khoảng 80m^2/1 sàn; 01 khu chăn nuôi; 01 nhà bếp; 01 sân gạch, 01 cổng xây gạch đều xây dựng trên diện tích đất 1360m^2 ở thôn RC, xã ĐM thuộc quyền sử dụng của chị Vương Thị Thu H. Về tài sản đồ dùng sinh hoạt có 01 bộ bàn ghế gỗ hương; 01 bàn thờ gỗ mít; 01 kệ để ti vi gỗ hương; 04 giường gỗ; 01 ti vi sam sung 50 inch; 01 tủ lạnh Sanyo; 01 máy giặt Sanyo; 03 tủ nhôm kính. Lời khai của chị Vương Thị Thu H tại bản tự khai ngày 10/7/2017, biên bản ghi lời khai ngày 26/9/2017, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 02/10/2017 đã thừa nhận những tài sản anh Kh đã khai trên là tài sản chung của chị và anh Kh tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân, riêng thửa đất số 75, tờ bản đồ số 26B, diện tích 1360 m^2 tại thôn RC, xã ĐM, huyện LG, tỉnh BG là tài sản riêng của chị. Như vậy, căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn, căn cứ điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì có đủ cơ sở xác định khối tài sản anh Kh yêu cầu chia trên là tài sản chung của anh Vũ Văn Kh và chị Vương Thị Thu H, yêu cầu của anh Kh là có căn cứ, được chấp nhận.

Tại phiên tòa, anh Kh không yêu cầu Tòa án xem xét đối với các tài sản gồm có: 01 bàn thờ gỗ mít, 03 tủ nhôm kính; 01 khu chăn nuôi; 04 chiếc giường và nhất trí để chị H toàn quyền sở hữu, sử dụng. Các tài sản còn lại anh Kh yêu cầu chia và đã được Hội đồng định giá tài sản định giá gồm: 01 ngôi nhà hai tầng, cấp ba loại 1, diện tích hai sàn là 184m^2 trị giá là 800.510.000 đồng; 01 nhà bếp loại A, diện tích 22,9m^2 trị giá 19.704.000 đồng; 01 sân gạch diện tích 150m^2 trị giá 14.310.000 đồng; 01 bộ bàn ghế gỗ hương trị giá 19.200.000 đồng; 01 kệ tivi gỗ hương trị giá 6.400.000 đồng; 01 tivi samsung trị giá 9.100.000 đồng; 01 máy giặt Sanyo trị giá 3.000.000 đồng; 01 tủ lạnh Sanyo trị giá 2.400.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chung của anh Kh, chị H là 874.624.000 đồng (Tám trăm bảy mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng). Xét thấy, toàn bộ tài sản là công trình nhà ở, nhà bếp, sân đều xây dựng trên thửa đất là tài sản riêng của chị H, các tài sản là vật dụng sinh hoạt đều do chị H quản lý, anh Kh yêu cầu trích chia bằng tiền cho anh, nên HĐXX xem xét giao chị H toàn bộ tài sản và buộc chị H có nghĩa vụ trích chia tài sản cho anh Kh tính bằng tiền.

Về nghĩa vụ:

+Đối với khoản vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam: Theo hợp đồng vay tín dụng số 2507-LAV-201701735 ngày 07/6/2017 được ký kết giữa chị Vương Thị Thu H và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thì số tiền vay là 200.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận là 11/%/năm, thời hạn vay từ 07/6/2017 đến 12/6/2020. Trên thực tế, hợp đồng vay trên được ký kết sau khi anh Kh và chị H ly hôn, tuy nhiên cả anh Kh và chị H đều xác nhận đây là khoản vay để anh, chị làm ngôi nhà hai tầng năm 2015 và chưa thanh toán trả ngân hàng, sau đó do hết hạn hợp đồng nên chị H đã làm thủ tục để vay lại số tiền trên, anh Kh nhất trí xác định số nợ Ngân hàng nông nghiệp là nợ chung của vợ chồng. Căn cứ sự thừa nhận của anh Kh, chị H, căn cứ điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xác định đây là khoản nợ chung của anh Kh và chị H, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có đơn khởi kiện độc lập, yêu cầu thanh toán nợ gốc, nợ lãi là có căn cứ. Căn cứ tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng xuất trình cho đến nay toàn bộ số nợ gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử 30/5/2018 là 16.561.000 đồng chưa thanh toán nên cần buộc chị H, anh Kh có trách nhiệm với khoản vay trên, do HĐXX xem xét giao toàn bộ tài sản gắn liền thửa đất cho chị H nên cần giao cho chị H trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

+Đối với khoản vay Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam: Căn cứ theo hợp đồng tín dụng số 6600000705293756 ngày 18/8/2015 và hợp đồng tín dụng số 6600000706571237 ngày 25/2/2016 được ký kết giữa Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch huyện Lạng Giang và chị Vương Thị Thu H thì tổng số tiền vay là 62.000.000 đồng, do chị Vương Thị Thu H ký với tư cách đại diện chủ hộ, mục đích vay vốn để sửa chữa chuồng trại, mua lợn nái giống, xây bể phốt, mua téc nước. Chị H xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù anh Kh không thừa nhận đây là nợ chung của vợ chồng, nhưng tại phiên tòa anh Kh đã khai trong thời gian chung sống, khi anh đi làm ở ngoài, chị H ở nhà chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình, cuối năm 2015 vợ chồng anh có làm một khu chuồng lợn để chăn nuôi, sau đó chị H có mua lợn, chăn nuôi đàn lợn, xét hợp đồng chị H ký vay vốn Ngân hàng chính sách xã hội tại thời điểm ngày 18/8/2015 và ngày 25/2/2016 với tư cách là chủ hộ, hơn nữa trong thời gian đó anh Kh, chị H chung sống hòa thuận, hạnh phúc, kinh tế chung, việc vay vốn để sử dụng cho mục đích tạo lập tài sản, phát triển kinh tế gia đình nên HĐXX xác định đây là khoản nợ chung của anh Kh, chị H, do chị H, anh Kh chưa thanh toán khoản vay theo thỏa thuận nên Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu anh Kh, chị H có trách nhiệm trả tiền vay gốc 62.000.000 đồng và lãi phát sinh đến ngày xét xử là 7.641.000 đồng là có căn cứ, được chấp nhận. Do toàn bộ tài sản được giao cho chị H, chị H cũng là người ký kết hợp đồng vay vốn nên cần giao trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay Ngân hàng chính sách xã hội cho chị H.

+Đối với khoản nợ chị H khai vay của ông Vương Bá Th, bà Ninh Thị Kim L, anh Nguyễn Xuân Gi, bà Ninh Thị Th, bà Ninh Thị O và yêu cầu xem xét theo quy định của pháp luật. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã thông báo thụ lý vụ án cho

những người trên, giải thích quyền, nghĩa vụ và giải thích về việc có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ, song ông Th, bà L, bà Th có cam kết làm đơn khởi kiện gửi Tòa án nhưng sau đó không thực hiện, anh Gi, bà O nêu rõ không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Xét thấy, do những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên là người có quyền nhưng không làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về nghĩa vụ của anh Kh, chị H, nên HĐXX không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Trường hợp sau này có tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

Đối với lời khai của anh Vũ Hải N xác định anh có đóng góp 40.000.000 đồng và đưa cho chị H khi chị H làm nhà, anh đề nghị tính công sức để chi cho mẹ anh. Hội đồng xét xử thấy, ngoài lời khai trên anh N không có tài liệu, chứng cứ chứng minh, anh N cũng không làm đơn yêu cầu, lời khai của chị H không nêu việc anh đóng góp công sưc và anh Kh cũng không thừa nhận việc anh N có đưa tiền cho chị H khi xây dựng, tạo lập tài sản,do đó HĐXX không xem xét.

Từ những đánh giá trên, HĐXX xác định giá trị tài sản chung của chị H, anh Kh sau khi trừ đi các khoản tiền vay đối với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam còn lại là: (874.624.000 đ - 216.561.000 đ - 69.641.000 đ) = 588.422.000 đồng (năm trăm tám mươi tám triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn đồng). Xét thấy, chị H có nhiều công sức trong tạo lập tài sản và phải chịu trách nhiệm thanh toán các khoản nợ Ngân hàng, nên HĐXX xem xét chia cho chị H phần giá trị tài sản nhiều hơn anh Kh, buộc chị H phải trích chia cho anh Kh giá trị tài sản bằng tiền là 280.000.000 đồng, phần giá trị tài sản còn lại chị Hằng được hưởng là 308.422.000 đồng.

Đối với các tài sản khác anh Kh không yêu cầu phân chia, nhất trí để chị H quản lý, sử dụng nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4].Về chi phí định giá tài sản: ngày 09/01/2018 và ngày 30/01/2018, Tòa án đã tiến hành định giá, thẩm định tài sản, chi phí hết 3.000.000 đồng, do anh Kh là người nộp tạm ứng. Xét thấy cả anh Kh, chị H đều được phân chia tài sản, đây là chi phí thực tế nên buộc mỗi người phải chịu 1.500.000 đồng tiền chi phí định giá, thẩm định tài sản. Buộc chị H có trách nhiệm hoàn trả cho anh Kh số tiền 1.500.000 đồng.

[5] Về án phí: Anh Kh và chị H phải chịu án án theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 59, 60 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điều 28, điều 35; điều 39; điều 70; điều 71; điều 72; điều 147; điều 235; Điều 227, điều 228; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 463; 465; 466; 468 Bộ luật dân sự; Điều 26; điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Xử:

-Xác định khối tài sản gồm: 01 ngôi nhà hai tầng, cấp ba loại 1, diện tích hai sàn là 184m^2; 01 nhà bếp loại A, diện tích 22,9m^2; 01 sân gạch diện tích 150m^2 được xây dựng trên thửa đất số 75, tờ bản đồ số 26B, diện tích 1360 m^2 tại thôn RC, xã ĐM, huyện LG, tỉnh BG đã được UBND huyện Lạng Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 162256 cho chị Vương Thị Thu H cùng 01 bộ bàn ghế gỗ hương; 01 kệ tivi gỗ hương; 01 tivi samsung; 01 máy giặt Sanyo; 01 tủ lạnh Sanyo là tài sản chung của anh Vũ Văn Kh và chị Vương Thị Thu H. Tổng giá trị tài sản chung của anh Kh, chị H là 874.624.000 đồng (tám trăm bảy mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng). Giao cho chị H được quyền sử hữu toàn bộ số tài sản trên.

Buộc chị Vương Thị Thu H phải trích chia tài sản cho anh Vũ Văn Kh bằng tiền là 280.000.000 đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng).

-Về nghĩa vụ: Xác nhận khoản vay tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thông Việt Nam theo hợp đồng vay tín dụng số 2507-LAV-201701735 ngày 07/6/2017; Khoản vay tại Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 6600000705293756 ngày 18/8/2015 và hợp đồng tín dụng số 6600000706571237 ngày 25/2/2016 là nợ chung của anh Kh, chị H.

Buộc chị Vương Thị Thu H phải thanh toán trả Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền vay gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử 16.561.000 đồng, tổng cộng là 216.561.000 đồng (Hai trăm mười sáu triệu năm trăm sáu mươi mốt nghìn đồng).

Buộc chị Vương Thị Thu H phải thanh toán trả Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền vay gốc 62.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử 7.641.000 đồng, tổng cộng là 69.641.000 đồng (Sáu mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi mốt nghìn đồng).

Phần giá trị tài sản chị Vương Thị Thu H được nhận sau khi thanh toán nợ Ngân hàng, trích chia tài sản cho anh Kh là: 308.422.000 đồng (ba trăm linh tám triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn đồng).

-Về chi phí định giá, thẩm định tài sản: Số tiền chi phí định giá, thẩm định tài sản là 3.000.000 đồng, buộc anh Kh phải chịu 1.500.000 đồng, chị Vương Thị Thu H phải chịu 1.500.000 đồng. Do anh Kha đã nộp tạm ứng định giá, thẩm định tài sản nên buộc chị H phải hoàn trả cho anh Kh số tiền 1.500.000 đồng.

-Về án phí:

Anh Vũ Văn Kh phải chịu 14.000.000 đồng án phí chia tài sản và 7.155.000 đồng án phí thực hiện nghĩa vụ, tổng cộng là 21.155.000 đồng, nhưng anh Kh được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp 15.600.000 đồng theo biên lai thu số AA/2015/0002424 ngày 07/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Anh Kh còn phải nộp tiếp số tiền 5.555.000 đồng.

Chị Vương Thị Thu H phải chịu 15.421.100 đồng án phí chia tài sản và 7.155.000 đồng án phí thực hiện nghĩa vụ, tổng cộng là 22.576.100 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.150.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004031 ngày 18/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Đối với khoản vay Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi chị H thanh toán xong tiền vay gốc và lãi, chị H tiếp tục phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

***Nơi nhận*:**
-*VKSND huyện Lạng Giang*;
-*THADS huyện Lạng Giang;*
-*Các đương sự;*
-*Lưu*.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng